

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

TRUNG TÂM THÔNG TIN TỈNH THÁI NGUYÊN

C	SỐ: 457/QĐ-UBND...
	Ngày: 21/01/2018..
Đ	Chuyển :

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 1 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục
thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12/5/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

Căn cứ Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Văn bản số 452/HĐND-VP ngày 24/10/2017 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện cơ chế, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tại Tờ trình số 95/TTr-BCH, ngày 20/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

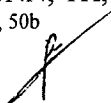
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, thay thế Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 31/8/2015; điều chỉnh mức hỗ trợ đối với hộ sản xuất gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy quy định tại Điều 1 Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 24/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chi cục Trưởng Chi cục Thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3 (thực hiện);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, TH, KGVX.

Bachdt, 28/12/17, 50b



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Tuấn

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện cơ chế, chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại
do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**
(Kèm theo Quyết định số ~~4157~~ 4157/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Hướng dẫn này quy định việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu cho hộ nông dân, người nuôi trồng thủy sản, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do ảnh hưởng của các loại hình thiên tai quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống thiên tai và các loại dịch bệnh nguy hiểm, được công bố theo quy định pháp luật về thú y, thủy sản, lâm nghiệp và các dịch bệnh công bố dịch theo quy định pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

2. Quy định việc trợ giúp xã hội đột xuất đối với hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai; người bị thương nặng; hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai; hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai; hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai.

3. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí để ổn định cuộc sống, khôi phục sản xuất và chia sẻ rủi ro cùng người dân khi bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (không phải đền bù thiệt hại); đồng thời, khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế; cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự nguyện giúp đỡ, hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc tài sản khác. Các chế độ hỗ trợ được thực hiện công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng, đúng định mức.

3. Để chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh, khi có thiệt hại xảy ra, cấp huyện phải sử dụng nguồn dự phòng ngân sách để hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại theo Hướng dẫn này. Trường hợp thiên tai, dịch bệnh diễn ra trên diện rộng với mức độ thiệt hại lớn, nghiêm trọng các địa phương đã sử dụng vượt quá 50% nguồn dự phòng ngân sách thì được xem xét, hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh.

4. Trường hợp hỗ trợ bằng giống cây trồng, vật nuôi phải đảm bảo chất lượng phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương. Trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung thì đối tượng chỉ được nhận một chính sách phù hợp nhất.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

Các đối tượng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 Hướng dẫn này được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của chính quyền địa phương.

2. Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (trang trại¹, gia trại², tổ hợp tác³, hợp tác xã) và nuôi trồng thủy sản (theo Mẫu số 5 Phụ lục I kèm theo) hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có). Các đối tượng chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi lứa mới; trong thời gian 07 ngày kể từ khi nhận được bản kê khai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận vào bản kê khai. Các đối tượng nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai và được xác nhận ngay sau khi thực hiện thả giống.

3. Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương.

4. Thời điểm xảy ra thiệt hại:

a) Đối với thiên tai: Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn địa phương xác nhận.

b) Đối với dịch bệnh: Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên (chưa đủ điều kiện công bố dịch) cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan thì thời điểm xảy ra thiệt hại là khoảng thời gian từ khi phát sinh ổ dịch đến khi kết thúc ổ dịch.

5. Nhà ở có nguồn gốc pháp lý rõ ràng, đầy đủ theo quy định của Luật Đất đai và quy định hiện hành của pháp luật.

¹ Trang trại là cơ sở chăn nuôi đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1,0 tỷ đồng/năm trở lên.

² Gia trại là hộ chăn nuôi lợn hoặc gia cầm nuôi thường xuyên trong năm từ 30 con lợn hoặc 1.000 con gia cầm (riêng chim cút ≥ 10.000 con), có số lần xuất chuồng 2 lần (đối với lợn) hoặc từ 3 lần trở lên (đối với gia cầm).

³ Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã của từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để chăn nuôi.

Chương II

MỨC HỖ TRỢ

Mục 1

TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỘT XUẤT

Điều 4. Trợ giúp lương thực cứu đói

Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng, trong thời gian từ 01 đến 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với tất cả thành viên trong hộ gia đình bị thiếu đói trong và sau thiên tai.

Điều 5. Hỗ trợ hộ gia đình có người chết, mất tích, bị thương nặng

1. Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai gây ra được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức 5.400.000 đồng/người.

Trường hợp người chết do thiên tai gây ra không phải tại địa bàn cấp xã nơi cư trú của người đó thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết được hỗ trợ kinh phí mai táng theo chi phí thực tế, nhưng không quá 8.100.000 đồng/người.

2. Người bị thương nặng⁴ do thiên tai gây ra tại nơi cư trú hoặc ngoài nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức 2.700.000 đồng/người.

Trường hợp người bị thương nặng ngoài nơi cư trú không có người thân chăm sóc thì cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi cấp cứu, chữa trị cho đối tượng) quyết định hỗ trợ với mức 2.700.000 đồng/người.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ thăm viếng hộ gia đình có người chết 6.000.000 đồng/người; thăm hỏi người bị thương nặng 3.000.000 đồng/người. Kinh phí thực hiện lấy từ nguồn kinh phí của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh được cấp hàng năm.

Điều 6. Hỗ trợ khắc phục thiệt hại về nhà ở

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy, hư hỏng do thiên tai có mức thiệt hại trên 70%: Hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy, hư hỏng do thiên tai có mức thiệt hại từ 30% đến 70%, cụ thể:

a) Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%: Hỗ trợ 8.000.000 đồng;

b) Thiệt hại từ 50% đến 70%: Hỗ trợ 14.000.000 đồng;

3. Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai: Hỗ trợ di dời không quá 20.000.000 đồng/hộ.

⁴ Người bị thương nặng là người bị thương về thể xác làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường, dẫn đến phải cấp cứu và điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Mục 2

HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

Điều 7. Mức hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi, và thủy sản

1. Hỗ trợ đối với cây trồng

a) Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

b) Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

c) Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha;

d) Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

đ) Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha;

e) Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

2. Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha;

b) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

3. Mức hỗ trợ đối với thủy sản

a) Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% đến 70%, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

+ Thiệt hại từ 50% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% - 70%.

- Bị thiệt hại từ 30% đến 70%, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

+ Thiệt hại từ 50% đến 70%, hỗ trợ 7.000.000 đồng/ha.

c) Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/100 m³ lồng.

- Bị thiệt hại từ 30% đến 70%, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/100 m³ lồng.

+ Thiệt hại từ 50% đến 70%, hỗ trợ 7.000.000 đồng/100 m³ lồng.

d) Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% đến 70%, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

+ Thiệt hại từ 50% đến 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

đ) Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 50.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% đến 70%, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

+ Thiệt hại từ 50% đến 70%, hỗ trợ 35.000.000 đồng/ha.

e) Diện tích nuôi trồng các loại thủy sản khác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha.

- Bị thiệt hại từ 30% đến 70%, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

+ Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

+ Thiệt hại từ 50% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

4. Mức hỗ trợ đối với gia súc, gia cầm

a) Thiệt hại do thiên tai:

Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 20.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 35.000 đồng/con;

Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 400.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 800.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con;

Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 10.000.000 đồng/con;

Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 6.000.000 đồng/con;

Hươu, nai, cừu, dê: Hỗ trợ 2.500.000 đồng/con.

Thỏ nặng dưới 2,0kg/con, hỗ trợ 10.000 đồng/con; nặng từ 2,0kg/con trở lên, hỗ trợ 20.000 đồng/con.

b) Thiệt hại do dịch bệnh:

Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ sản xuất gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy với mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Hỗ trợ 38.000 đồng/kg hơi đối với lợn;

- Hỗ trợ 45.000 đồng/kg hơi đối với trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai;

- Hỗ trợ 35.000 đồng/con gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng).

5. Các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại chưa được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, đặc điểm sản xuất và yêu cầu thực tế tại địa phương quy định mức hỗ trợ cho phù hợp.

6. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Mục 3

HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG THAM GIA TÌM KIẾM CỨU NẠN, CỨU HỘ, ỨNG PHÓ THIÊN TAI

Điều 8. Hỗ trợ đối với người, phương tiện, vật tư được huy động hoặc tự nguyện tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai

1. Chi phí các nguyên, nhiên, vật liệu cung cấp cho nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn bao gồm: Xăng, dầu, than, sắt thép, xi măng, đất, đá, cát, sỏi, gỗ, phân, tre, vải bạt, bao tải và các nguyên, nhiên, vật liệu khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai.

Trường hợp do yêu cầu khẩn cấp của công việc, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn phải huy động nguyên, nhiên, vật liệu từ các tổ chức, cá nhân bên ngoài thì việc thanh toán sẽ được thực hiện thông qua hình thức hoàn trả bằng lượng (hiện vật) hoặc bằng tiền (giá trị) căn cứ vào thoả thuận giữa cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn với tổ chức, cá nhân sở hữu nguyên, nhiên, vật liệu tại thời điểm huy động. Trường hợp không thoả thuận được thì cơ quan, đơn vị tổng hợp báo cáo Sở Tài chính về việc thanh toán chi phí nguyên, vật liệu phải huy động từ các tổ chức cá nhân bên ngoài trong trường hợp khẩn cấp.

Định mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai được thực hiện theo quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chi phí sử dụng phương tiện, sửa chữa phương tiện phục vụ nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai:

- Phương tiện được sử dụng cho nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai là các phương tiện chở người, vật tư, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu khi làm nhiệm vụ như: Phương tiện đường bộ, đường thủy, đường không và một số phương tiện khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai.

- Chi phí sử dụng phương tiện: Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai phải sử dụng phương tiện của các tổ chức, cá nhân để phục vụ các nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai thì việc thanh toán dựa trên cơ sở hợp đồng hoặc thoả thuận sử dụng phương tiện (dưới hình thức thích hợp) giữa người đại diện có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn và chủ phương tiện.

Căn cứ để xác định mức tiền sử dụng phương tiện khi ký hợp đồng hoặc thoả thuận sử dụng phương tiện dựa vào thông số kỹ thuật của phương tiện, định mức, đơn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tình hình thực tế khi phát sinh công việc đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai.

- Chi phí sửa chữa phương tiện: Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai trong hoặc sau khi sử dụng phương tiện của các tổ chức, cá nhân để phục vụ các nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn mà làm phương tiện bị hư hỏng, thì cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn có trách nhiệm sửa chữa phương tiện hoặc thanh toán chi phí sửa chữa phương tiện nhằm khôi phục tình trạng ban đầu cho các tổ chức, cá nhân. Căn cứ để xác định mức thanh toán dựa trên cơ sở chứng từ thanh toán cho hợp đồng sửa chữa phương tiện phát sinh trực tiếp, hợp lý, hợp lệ sau khi trừ đi số tiền bảo hiểm do cơ quan bảo hiểm chi trả (nếu có).

- Chi phí đền bù phương tiện: Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn trong hoặc sau khi sử dụng phương tiện của các tổ chức, cá nhân để phục vụ các nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai mà làm mất hoặc hư hỏng phương tiện (không có thể sửa chữa được), thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn căn cứ tình hình thực tế có trách nhiệm tổng hợp số lượng, tình trạng hư hỏng của phương tiện của các tổ chức, cá nhân sử dụng để phục vụ các nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện việc đền bù phương tiện cho chủ phương tiện theo thoả thuận nhưng tối đa không được vượt quá giá thị trường của phương tiện mua mới (hoặc phương tiện mua mới tương đương) tại thời điểm thanh toán.

3. Chi phí chi trả các khoản chi phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai:

a) Chi hỗ trợ tiền ăn hợp ngoài giờ làm việc cho các đại biểu tham dự các cuộc họp bàn kế hoạch triển khai nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai:

- Đối với các cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố, thị xã và tại trung tâm huyện: 150.000 đồng/người/ngày;

- Đối với các cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 100.000 đồng/người/ngày;

Các cơ quan cử người tham dự các cuộc họp nêu trên không thực hiện thanh toán tiền làm thêm giờ cho cán bộ được cử tham dự các cuộc họp này.

b) Chi tiền ăn thêm cho các lực lượng trực tiếp được huy động hoặc tự nguyện thực hiện nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai: Mức chi tối đa là 50.000 đồng/ngày/người.

c) Chi tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho các lực lượng trực tiếp được huy động hoặc tự nguyện thực hiện nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai: Mức chi tối đa cho một người trong một ngày bằng 2 lần mức chi một ngày công lao động trung bình tính trên cơ sở mức lương cơ sở theo quy định hiện hành của Chính phủ.

d) Chi tặng quà thăm hỏi, động viên cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai có thành tích xuất sắc hoặc bị thương trong khi làm nhiệm vụ: Mức chi tối đa đối với tập thể là 3.000.000 đồng/đơn vị, đối với cá nhân là 300.000 đồng/người.

đ) Chi cho các đối tượng được cứu nạn:

- Chi cấp nhiên liệu cho phương tiện được cứu nạn để vận hành từ nơi có tình huống tìm kiếm cứu nạn đến nơi an toàn.

- Chi cho cá nhân được cứu nạn (bao gồm người mang quốc tịch Việt Nam và người nước ngoài):

+ Chi tiền ăn bằng định mức ăn cơ bản của lực lượng tìm kiếm cứu nạn.

+ Chi tiền ở: Cơ quan, đơn vị tìm kiếm cứu nạn chủ động bố trí, sắp xếp nơi ở cho đối tượng. Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn không bố trí được nơi ở cho đối tượng thì thực hiện thuê phòng nghỉ cho đối tượng, mức chi áp dụng bằng mức thanh toán phòng nghỉ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Chi phí khác liên quan: Chi mua các vật dụng cá nhân cần thiết (quần, áo, nhu yếu phẩm), chi chăm sóc y tế, chi bàn giao đối tượng và các chi phí hợp lý khác. Căn cứ thanh toán dựa vào hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp lý, hợp lệ.

4. Chi phí cấp cứu người bị nạn, đảm bảo y tế cho các lực lượng tham gia nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai:

a) Người tham gia nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai nếu bị tai nạn được chăm sóc y tế và được thanh toán tiền khám, chữa bệnh theo chế độ hiện hành. Căn cứ để xác định mức thanh toán dựa trên cơ sở chứng từ thanh toán tiền khám, chữa bệnh sau khi trừ đi số tiền bảo hiểm do cơ quan bảo hiểm chi trả (nếu có).

b) Đối với những người không thuộc đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian điều trị tại bệnh viện, ngoài số tiền hỗ trợ khám chữa bệnh, còn được hỗ trợ số tiền bằng 2 lần mức chi một ngày công lao động trung bình theo quy định tại tiết c Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính.

c) Trường hợp người tham gia nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn không may bị chết trong quá trình trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai:

- Người tham gia thuộc các đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện: Được bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ tử tuất theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Người tham gia không thuộc các đối tượng đóng bảo hiểm xã hội: Được ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền mai táng phí mức bằng 10 (mười) tháng lương cơ

sở; bồi thường cho gia đình có người chết mức bằng 36 (ba mươi sáu) tháng lương cơ sở.

Đồng thời được xét, truy tặng các danh hiệu liệt sỹ, danh hiệu anh hùng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công và các văn bản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh.

Chương III

NGUỒN KINH PHÍ, TRÌNH TỰ VÀ PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

Điều 9. Nguồn kinh phí

- a) Dự phòng ngân sách Trung ương.
- b) Ngân sách, Dự phòng ngân sách tỉnh, cấp huyện.
- c) Kinh phí từ Quỹ Phòng chống thiên tai.
- d) Đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- e) Hiện vật, giống cây trồng, vật nuôi thuộc nguồn dự trữ tình (nếu có).
- f) Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trình tự và thủ tục hỗ trợ

1. Đối với trợ giúp lương thực cứu đói:

a) Trưởng thôn/ xóm/ bản/ tổ dân phố (sau đây gọi chung là Trưởng thôn) lập danh sách hộ gia đình và số người trong hộ gia đình thiếu đói cần hỗ trợ (*Theo Mẫu số 1 và 2 Phụ lục III kèm theo*);

b) Trưởng thôn chủ trì họp với đại diện của các tổ chức có liên quan trong thôn/ xóm/ bản/ tổ dân phố để bình xét hộ gia đình, số người trong hộ gia đình thiếu đói gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng thôn, Hội đồng kiểm tra thống nhất danh sách hộ gia đình và số người thiếu đói, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cứu trợ ngay những trường hợp cấp thiết. Trường hợp thiếu nguồn lực thì có văn bản đề nghị trợ giúp gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế);

đ) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ;

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ. Trường hợp thiếu nguồn lực hỗ trợ hoặc đã sử dụng vượt quá 50% nguồn dự phòng ngân sách thì có văn bản đề nghị trợ giúp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính;

g) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với hỗ trợ hộ gia đình có người bị thương nặng: Trình tự xem xét hỗ trợ thực hiện theo Khoản 1 Điều này.

3. Đối với hỗ trợ chi phí mai táng:

a) Cơ quan, tổ chức, gia đình hoặc cá nhân trực tiếp mai táng có Tờ khai đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 3 Phụ lục III kèm theo); kèm theo Giấy Báo tử hoặc xác nhận của Công an cấp xã gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Trình tự xem xét hỗ trợ thực hiện theo Khoản 1 Điều này.

4. Đối với hỗ trợ khắc phục thiệt hại về nhà ở:

a) Hộ gia đình hoặc cá nhân có Tờ khai đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 4 Phụ lục III kèm theo); gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Trình tự xem xét hỗ trợ thực hiện theo Khoản 1 Điều này.

5. Đối với hỗ trợ cây trồng, vật nuôi và thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh:

a) Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất bị thiệt hại phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ xin hỗ trợ gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với thiệt hại do dịch bệnh); Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã để phối hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết (đối với thiệt hại do thiên tai). Hồ sơ xin hỗ trợ bao gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo các Mẫu số 1, 2, 3 và 4 tại Phụ lục I kèm theo);

- Bản kê khai sản xuất ban đầu (theo Mẫu số 5 tại Phụ lục I kèm theo) hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có);

- Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai có xác nhận của thôn/ xóm/ bản/ tổ dân phố.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng kiểm tra bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ chuyên môn của huyện, đại diện các tổ chức xã hội, đại diện thôn/ xóm/ bản/ tổ dân phố tiến hành lập Biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng đối tượng bị thiệt hại; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (theo các Biểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo) (đối với thiệt hại do thiên tai có sự tham gia của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã).

c) Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện (đối với thiệt hại do thiên tai) căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (theo các Biểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo).

d) Thời hạn giải quyết hồ sơ: Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân các cấp (đối với dịch bệnh) hoặc Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp (đối với thiên tai) phải có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các đối tượng bị thiệt hại trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

Điều 11. Thủ tục và phương thức thanh toán kinh phí cho các tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ người và phương tiện bị thiệt hại do thiên tai gây ra

1. Thủ tục thanh toán:

a) Thẩm quyền và trách nhiệm của người huy động:

- Người có thẩm quyền ban hành lệnh điều động lực lượng, phương tiện, vật tư cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai được quy định tại các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hiện hành.

- Trách nhiệm của người huy động:

Việc huy động lực lượng, phương tiện phải bằng văn bản dưới hình thức “Quyết định huy động”. Trong trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền huy động có thể ra lệnh bằng hình thức thích hợp, nhưng chậm nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày ra lệnh phải hoàn thiện văn bản huy động.

- Người có thẩm quyền huy động có trách nhiệm chỉ đạo giải quyết việc thanh toán chi phí và bồi thường thiệt hại theo hướng dẫn tại Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính.

b) Thời gian báo cáo, thẩm định, chi trả chi phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai:

- Chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày vụ việc tìm kiếm cứu nạn kết thúc, các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có nguyên, nhiên, vật liệu, phương tiện được huy động phục vụ nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai có trách nhiệm tổng hợp các chi phí có liên quan gửi cơ quan, đơn vị ra lệnh điều động, huy động lực lượng, phương tiện tìm kiếm cứu nạn.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tổng hợp các chi phí có liên quan đến nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai.

+ Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc xác minh, thẩm định hồ sơ của các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có tài sản, phương tiện được huy động phục vụ nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai.

+ Thực hiện chi trả các chi phí có liên quan cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có nguyên, nhiên, vật liệu, phương tiện được huy động phục vụ nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo.

c) Hồ sơ thanh toán:

- Đối với chi trả chi phí do huy động nguyên, nhiên, vật liệu:

+ Quyết định huy động của cấp có thẩm quyền.

+ Xác nhận của Trưởng ban Chỉ huy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai (lập bảng kê xác định số lượng, khối lượng, chủng loại, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu đã được sử dụng).

- Đối với chi trả chi phí sử dụng, sửa chữa, đền bù phương tiện:
- + Quyết định huy động của cấp có thẩm quyền.
- + Xác nhận của Trưởng ban Chỉ huy; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai (lập bảng kê xác định chủng loại phương tiện, thời gian sử dụng).
- + Hợp đồng hoặc thoả thuận sử dụng phương tiện dưới hình thức thích hợp.
- + Bảng kê xác nhận tình trạng hư hỏng của phương tiện và hoá đơn, chứng từ thanh toán chi phí sửa chữa phương tiện trong trường hợp phương tiện bị hư hỏng hoặc biên bản xác nhận trong trường hợp mất phương tiện.
- + Bảng kê và hoá đơn, chứng từ thanh toán các chi phí phát sinh.
- Đối với chi trả chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai:
- + Quyết định triệu tập, huy động của cấp có thẩm quyền.
- + Xác nhận của Trưởng ban Chỉ huy; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai (lập bảng kê xác định số lượng tham gia, thời gian thực tế tham gia).
- Đối với chi trả chi phí cấp cứu người bị nạn, đảm bảo y tế cho các lực lượng tham gia:
- + Quyết định triệu tập, huy động của cấp có thẩm quyền.
- + Xác nhận của Trưởng ban Chỉ huy; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai (lập bảng kê xác định số lượng các lực lượng đã được trợ giúp về y tế, bảng kê chi phí các dịch vụ y tế); có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Phương thức thanh toán:

Căn cứ dự toán ngân sách và nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai được cấp có thẩm quyền giao, chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước và quy định tại Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính, quyết định duyệt chi của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước để thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý, hợp lệ phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trường hợp cần thiết phải thanh toán ngay các chi phí cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia nhiệm vụ đột xuất tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai khi chưa hoàn tất hồ sơ thanh toán, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thường trực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai đề nghị cơ quan Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện tạm ứng kinh phí để thực hiện.

3. Nguồn kinh phí thanh toán:

Nguồn kinh phí thanh toán được chi trả từ nguồn dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trong năm được cấp có thẩm quyền giao.

Trường hợp khoản kinh phí này trong năm không sử dụng hết sẽ được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng, không được sử dụng vào mục đích, nhiệm vụ khác.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh)

1. Chỉ đạo Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các Sở, ngành liên quan thống kê, tổng hợp tình hình thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh kịp thời, đúng đối tượng, định mức được quy định; xây dựng và trình phê duyệt dự toán chi ngân sách hàng năm của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh sử dụng để hỗ trợ đối với người, phương tiện được huy động hoặc tự nguyện tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai; để thăm hỏi hộ gia đình có người chết, người bị thương nặng

2. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc phân bổ và sử dụng kinh phí được hỗ trợ ở các địa phương.

Điều 13. Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan bố trí, phân bổ kinh phí hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra từ các nguồn vốn, đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ ở các địa phương, đơn vị.

2. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị. Kết thúc mỗi đợt hỗ trợ, tổng hợp kết quả, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; cuối năm có báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ trên.

Điều 14. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành, thị tham mưu cho UBND tỉnh lồng ghép, tổng hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hàng năm để giao cho các đơn vị thực hiện.

2. Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí, phân bổ kinh phí hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra từ các nguồn vốn.

3. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc phân bổ kinh phí, sử dụng kinh phí tại các đơn vị.

Điều 15. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện trợ giúp xã hội đột xuất tại các địa phương theo quy định; căn cứ đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai tại các địa phương do vượt quá khả năng chi trả của cấp huyện.

Điều 16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

1. Thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thăm hỏi, động viên hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất.

2. Tổng hợp, kiểm kê, báo cáo đánh giá thiệt hại thực hiện theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra về Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Chi cục Thủy lợi). Chịu trách nhiệm về các số liệu thống kê thiệt hại, kiểm kê, đánh giá mức độ thiệt hại trong báo cáo.

3. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng kiểm tra bao gồm các thành phần: Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ chuyên môn của huyện, đại diện các tổ chức xã hội, đại diện thôn/ xóm/ bản/ tổ dân phố (Đối với thiệt hại do thiên tai có sự tham gia của đại diện Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp ở địa phương) để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ, cứu trợ sau thiên tai, dịch bệnh của các đối tượng bị thiệt hại; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã xây dựng và trình phê duyệt dự toán chi ngân sách hàng năm để hỗ trợ đối với người, phương tiện được huy động hoặc tự nguyện tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện hỗ trợ, khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí nếu nguồn dự phòng ngân sách của cấp huyện không đảm bảo.

6. Kết thúc đợt thiên tai, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kết quả thực hiện hỗ trợ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các Sở, ngành, địa phương báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. *Đoàn Văn Tuấn*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Tuấn

Đoàn Văn Tuấn



Phụ lục I
MẪU ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ NÔNG, LÂM NGHIỆP THIẾT HẠI
DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

(Kèm theo Quyết định số: ~~4157~~ /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Mẫu số 1	Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng do thiên tai (hoặc dịch bệnh)
Mẫu số 2	Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại sản xuất lâm nghiệp do thiên tai (hoặc dịch bệnh)
Mẫu số 3	Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại nuôi trồng thủy sản do thiên tai (hoặc dịch bệnh)
Mẫu số 4	Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại chăn nuôi do thiên tai (hoặc dịch bệnh)
Mẫu số 5	Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại đối với cây trồng do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và
tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích cây trồng bị thiệt hại do thiên tai/dịch bệnh như sau:

Đợt thiên tai/dịch bệnh:

1. Đối tượng:

Thời điểm gieo, trồng:

Diện tích thiệt hại: ha.

Vị trí đất gieo, trồng:

Thiệt hại trên 70% là: ha

2. Đối tượng:

Thời điểm gieo, trồng:

Diện tích thiệt hại: ha.

Vị trí đất gieo, trồng:

Thiệt hại từ 30 - 70% là: ha

Thiệt hại trên 70% là: ha

Đề nghị Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã
(phường)... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)...) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu
trên của.....

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn
toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN

THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại sản xuất lâm nghiệp do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và
tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch
bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) trong sản xuất
lâm nghiệp như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh):

1. Đối với diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm
nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại:

a) Đối với diện tích cây rừng:

Đối tượng trồng: Tuổi rừng:.....

Thời điểm trồng:

Diện tích thiệt hại:ha.

Vị trí trồng rừng:

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:.....ha

b) Đối với các loài cây lâm sản ngoài gỗ:

Vị trí:

Thời điểm trồng:

Loài cây:

Số lượng thiệt hại:ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

c) Đối với vườn giống:

Thời điểm xây dựng:

Diện tích thiệt hại:ha

Vị trí:.....

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

d) Đối với rừng giống:

Thời điểm xây dựng:

Loại rừng giống:

Diện tích thiệt hại:ha

Vị trí:

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

2. Đối với cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Vị trí:

Thời điểm trồng:.....

Loài cây:

Diện tích thiệt hại:ha

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha

Thiệt hại trên 70% là:ha

3. Đối với trồng cây phân tán:

Vị trí:

Loài cây:

Số lượng thiệt hại: cây

Hồ sơ lưu gồm có:

.....

Đề nghị Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn, toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN

THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ thiệt hại nuôi trồng thủy sản do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai diện tích nuôi trồng thủy sản và diện tích bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh):

Loại thủy sản nuôi:

Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản:ha.

Vị trí khu vực nuôi:

Thời điểm thả giống:

Số lượng giống thả nuôi: con, nguồn gốc:

Hồ sơ lưu về giống gồm có:

Hình thức nuôi:

Thiệt hại từ 30 - 70% là:ha hoặc m³ lồng.

Thiệt hại trên 70% là:ha hoặc m³ lồng.

Đề nghị Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã (phường)... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)...) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN

THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ thiệt hại chăn nuôi do thiên tai (hoặc dịch bệnh)

Kính gửi: - Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã, phường... (đối với thiên tai);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (đối với dịch bệnh).

Tôi tên là:

Địa chỉ:

Kê khai số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai (hoặc dịch bệnh) như sau:

Đợt thiên tai (hoặc dịch bệnh):

1. Đối tượng nuôi 1: Tuổi vật nuôi:.....

Số lượng:con.

2. Đối tượng nuôi 2:..... Tuổi vật nuôi:

Số lượng: con.

3. Đối tượng nuôi 3: Tuổi vật nuôi:.....

Số lượng:con.

Hồ sơ lưu gồm có:

.....

.....

Đề nghị Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã (phường).... (hoặc Ủy ban nhân dân xã (phường)....) xem xét, hỗ trợ thiệt hại nêu trên của

Tôi xin cam kết nội dung theo bảng kê này là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THÔN/BẢN/KHU DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....,ngày tháng năm 20.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI

Số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại..... Fax Email (nếu có):.....

Đăng ký chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) như sau:

TT	Đối tượng nuôi	Địa điểm	Diện tích nuôi (m ²)	Thời gian bắt đầu nuôi (ngày, tháng) (dự kiến đối với thủy sản)	Số lượng giống dự kiến nuôi/thả (con)	Thời gian thu hoạch/xuất chuồng dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến	Ghi chú
1								
2								
..								

Những vấn đề khác:

.....
.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

....., ngày tháng năm

Xác nhận của UBND xã/phường

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

....., ngày tháng năm

Xác nhận của Cơ quan chuyên môn (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phụ lục II

**MẪU BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC THIỆN HỖ TRỢ
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO
THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Kèm theo Quyết định số 4157/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Mẫu số 1	Bảng tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ đối với cây trồng để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
Mẫu số 2	Bảng tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ sản xuất lâm nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
Mẫu số 3	Bảng tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ nuôi thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
Mẫu số 4	Bảng tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ chăn nuôi để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
Mẫu số 5	Bảng tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiện) hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh

ỦY BAN NHÂN DÂN

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG

(Từ ngày.....tháng...năm.... đến ngày.....tháng ...năm)

TT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI														KINH PHÍ HỖ TRỢ				
			DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%							DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%							Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó			
			Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)		NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG SỐ																				
1																				
2																				
	THEO ĐỊA PHƯƠNG)																				

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND.....

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP
ĐỀ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**
(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

TT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI									KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%			DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó					
			Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)	Diện tích cây rừng (ha)	Diện tích cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp (ha)		Diện tích vườn giống, rừng giống(ha)	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm (ha)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ														
1														
2														
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)														

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND.....

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ NUÔI THỦY SẢN ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

TT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI																							KINH PHÍ HỖ TRỢ GIỐNG				
		Thiệt hại hơn 70%											Thiệt hại từ 30 - 70%												Tổng NSN N hỗ trợ (tr.đ)	NST W hỗ trợ (tr.đ)	NSĐ P đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NST W quy ra tiền (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSĐ P quy ra tiền (tr.đ)
		Tổng giá trị (thiệt hại) (tr.đ)	Diện tích nuôi tôm quảng canh (ha)	Diện tích nuôi cá trắm, cá bìa, cá rô phi (ha)	Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh (ha)	Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh (ha)	Diện tích nuôi nhuyễn thể (ha)	Diện tích nuôi cá tra thâm canh (ha)	Lồng, bè nuôi nước ngọt (100 m ³)	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)	Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh (ha)	Lồng, bè nuôi ngoài biển (100 m ³)	Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)	Diện tích nuôi tôm quảng canh (ha)	Diện tích nuôi cá trắm, cá bìa, cá rô phi (ha)	Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh (ha)	Diện tích nuôi nhuyễn thể (ha)	Diện tích nuôi cá tra thâm canh (ha)	Lồng, bè nuôi nước ngọt (100 m ³)	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)	Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh (ha)	Lồng, bè nuôi ngoài biển (100 m ³)	Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	TỔNG SỐ																												
1																												
2																												
	THEO ĐỊA PHƯƠNG																												

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND.....

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ CHĂN NUÔI
ĐỀ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH**

(Từ ngày.... tháng.... năm đến ngày tháng.... năm....)

STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	TỔNG HỢP THIỆT HẠI										KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Gia cầm đến 28 ngày tuổi (con)	Gia cầm trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn đến 28 ngày tuổi (con)	Lợn trên 28 ngày tuổi (con)	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi (con)	Bò sữa trên 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)	Hươu, cừu, dê (con)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền (tr.đ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ															
1															
2															
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)															

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND

(Ký tên đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ
ĐỀ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH (ĐẾN THỜI
ĐIỂM BÁO CÁO)**

Đơn vị: Triệu đồng

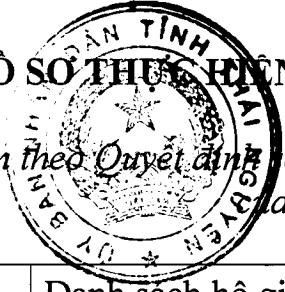
STT	Địa phương (tỉnh, huyện, xã)	Tổng số tiền hỗ trợ	Trong đó:				Ghi chú	
			Giống cây trồng	Lâm nghiệp	Giống thủy hải sản	Giống vật nuôi	Quyết định hỗ trợ kinh phí (Số QĐ, ngày, tháng, năm)	
							9	10
1	2	3	4	5	6	7	9	10
	TỔNG SỐ							
1							
	(CHI TIẾT THEO ĐỊA PHƯƠNG)							

Ghi chú: UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên.

....., ngày tháng năm

Chủ tịch UBND

(Ký tên đóng dấu)



Phụ lục III
MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI
NGƯỜI VÀ NHÀ Ở
(Kèm theo Quyết định số: 4157/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Mẫu số 1	Danh sách hộ gia đình và số người trong hộ gia đình thiếu đói (Cấp thôn, xóm lập)
Mẫu số 2	Danh sách hộ gia đình và số người trong hộ gia đình thiếu đói (Cấp xã lập)
Mẫu số 3	Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng
Mẫu số 4	Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở

/

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UBND XÃ :

Thôn/xóm/tổ/bản:

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH
VÀ SỐ NGƯỜI TRONG HỘ GIA ĐÌNH THIẾU ĐÓI

Số TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Số người trong hộ (người)
	Tổng		

Ngày..... tháng..... năm 20.....
TRƯỞNG THÔN/XÓM/BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UBND XÃ:.....

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH
VÀ SỐ NGƯỜI TRONG HỘ GIA ĐÌNH THIẾU ĐÓI

Số TT	Thôn xóm	Số hộ (Hộ)	Số người (người)	Ghi chú
	Tổng			

Ngày..... tháng..... năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHẾT ĐƯỢC MAI TÁNG (Nếu có)

- 1.1. Họ và tên (*Viết chữ in hoa*):
- Ngày/tháng/năm sinh:/...../ Giới tính: Dân tộc:
- 1.2. Hộ khẩu thường trú:
- 1.3. Ngàythángnămchết
- 1.4. Nguyên nhân chết
- 1.5. Thời gian mai táng.....
- 1.6. Địa điểm mai táng

II. THÔNG TIN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐÚNG RA MAI TÁNG CHO NGƯỜI CHẾT.

2. 1. Trường hợp cơ quan, tổ chức đứng ra mai táng
- 2.1.1. Tên cơ quan, tổ chức:.....
- Địa chỉ:.....
- 2.1.2. Họ và tên người đại diện cơ quan:.....
- Chức vụ:.....
- 2.2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đứng ra mai táng
- 2.2.1. Họ và tên (*Chủ hộ hoặc người đại diện*):.....
- Ngày/tháng/năm sinh:...../...../.....
- Giấy CMND số:..... Cấp ngày..... Nơi cấp.....
- 2.2.2. Hộ khẩu thường trú:.....
- Nơi ở:.....
- 2.2.3. Quan hệ với người chết:.....
-

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có điều gì khai không đúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngày..... tháng năm 20...

Người khai
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

UBND xã, phường, thị trấnxác nhận cơ quan/tổ chức/gia đình/cá nhân.....đã tổ chức mai táng cho người chết theo như kê khai thông tin của trên là đúng. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định.

Ngày..... tháng năm 20...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở

I. KÊ KHAI CỦA HỘ GIA ĐÌNH

1. Họ và tên người đại diện (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh: / / Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND số:..... Cấp ngày..... Nơi cấp.....

2. Hộ khẩu thường trú của hộ:

3. Số người trong hộ người. Trong đó: Người trong độ tuổi lao động người

4. Hoàn cảnh gia đình (*Ghi cụ thể có thuộc hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn kinh tế hay không*).....

.....

5. Tình trạng nhà ở trước khi thiên tai xảy ra (*Ghi cụ thể loại nhà, mức độ sử dụng*):

.....

6. Tình trạng thiệt hại về nhà ở (*Ghi cụ thể đã đổ sập, trôi, cháy hoàn toàn, phải di dời nhà ở khẩn cấp, hư hỏng nặng*):

.....

7. Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình

.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm

Ngày... tháng.... năm 20.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

II. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội xã/phường/thị trấn:đã xem xét
tờ khai, xác minh thông tin của hộ gia đình và họp ngày.....tháng.....năm.....
thống nhất kết luận như sau:

.....
.....
.....
.....

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ về nhà ở theo quy định./.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 20...
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu)